

BIÊN BẢN NHẬP KHO
CARGO RECEIPT FOR EXPORT WAREHOUSE

Người gửi hàng: [REDACTED]

Shipper

Đại lý: MN SHIPPING CO.,LTD

Agent

Địa điểm xếp hàng: [REDACTED]

Loading Location

ShippingMarks: [REDACTED]

ShippingMarks

Chi tiết số lượng và trạng thái hàng hóa nhập vào kho như sau:

Details of the quantity and condition of goods received into the warehouse are as follows.

STT No.	Số Booking Booking No.	Số tờ khai Custom No.	ĐVT Unit	S.Lượng Quantity	Tr.Lg(kg) Weight	S.Khối(m³) CBM	Tình trạng Remark
1	[REDACTED]	[REDACTED]	CT	281	7,931.160	35.24	

Phương tiện vận chuyển

Transportation Truck

STT No.	Số xe Truck No.	Tải trọng Capacity	Người giao hàng Driver	S.Lượng Quantity	Tr.Lg(kg) Weight	Thời gian Time	Chữ ký Signature
1	[REDACTED]	5,500	[REDACTED]	180	5,080.500	Checkin: 01:02 22/06/2026 Gatein: 06:40 22/06/2026 Ký: 08:39 22/06/2026	
2	[REDACTED]	3,495	[REDACTED]	101	2,850.660	Checkin: 01:02 22/06/2026 Gatein: 06:40 22/06/2026 Ký: 08:34 22/06/2026	

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về số lượng và chất lượng hàng hóa bên trong của tất cả các lô hàng trên

(We take no responsibilities for quantity and quantity of the contents)

Tân Cảng - Cát Lái, Ngày 22 tháng 06 năm 2026

Đại diện đại lý
(Agent Representative)

Họ và tên
(Ký tên)

ĐẠI DIỆN KHO HÀNG
(Warehouse Representative)

Họ và tên
(Ký tên)



Thông tin kích thước kiện hàng

Dimension

STT No.	Số Booking Booking No.	Số PO PO No.	Số Package Package No.	S.Lượng Quantity	Chiều dài(m) Length	Chiều rộng(m) Width	Chiều cao(m) Height	Số khối(m³) CBM
1	[REDACTED]		00001 [REDACTED]	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
2	[REDACTED]		00001 [REDACTED]	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
3	[REDACTED]		00001 [REDACTED]	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
4	[REDACTED]		00001 [REDACTED]	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
5	[REDACTED]		00001 [REDACTED]	18	0.58	0.47	0.46	2.2571

STT <i>No.</i>	Số Booking <i>Booking No.</i>	Số PO <i>PO No.</i>	Số Package <i>Package No.</i>	S.Lượng <i>Quantity</i>	Chiều dài(m) <i>Length</i>	Chiều rộng(m) <i>Width</i>	Chiều cao(m) <i>Height</i>	Số khối(m³) <i>CBM</i>
6	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
7	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
8	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
9	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
10	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
11	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
12	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
13	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
14	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571
15	██████████		00001██████████	11	0.58	0.47	0.46	1.3794
16	██████████		00001██████████	18	0.58	0.47	0.46	2.2571